

XÂY DỰNG NỀN VĂN HÓA VIỆT NAM TIÊN TIẾN, ĐẬM ĐÀ BẢN SẮC DÂN TỘC, THỐNG NHẤT TRONG ĐA DẠNG VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA *

TRIỆU QUANG MINH**

Ngày nhận: 23/3/2023

Ngày phản biện: 11/4/2023

Duyệt đăng: 12/5/2023

Tóm tắt: Việt Nam có 54 tộc người cùng sinh sống, mỗi tộc người đều có bản sắc riêng tạo nên tính đa dạng của nền văn hóa Việt Nam. Mặc dù đa dạng nhưng không khác biệt, vẫn trong thể thống nhất. Bởi vì, văn hóa của các tộc người ở Việt Nam đều có chung một cơ tầng văn hóa và chịu sự tác động của các điều kiện tự nhiên, xã hội chung. Bài viết phân tích tính thống nhất trong đa dạng của nền văn hóa Việt Nam thông qua các dẫn chứng điển hình, trên cơ sở đó chỉ ra những vấn đề đặt ra trong xây dựng, phát triển văn hóa hiện nay.

Từ khóa: Thống nhất trong đa dạng; tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; văn hóa Việt Nam, xây dựng nền văn hóa Việt Nam.

Đặt vấn đề

Bản sắc văn hóa là nét riêng biệt không thể trộn lẫn trong văn hóa của các tộc người, là chất keo kết nối các thành viên trong từng tộc người với nhau, là cơ sở để hình thành ý thức tộc người. Mỗi tộc người ở Việt Nam đều có bản sắc riêng nhưng vẫn có những điểm chung thống nhất, tạo nên sự gắn kết trong cộng đồng quốc gia dân tộc, tạo nên ý thức quốc gia dân tộc ở mỗi tộc người. Nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa đa dạng trong thống nhất của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Tính đa dạng ấy không mâu thuẫn với tính thống nhất.

1. Tính thống nhất trong đa dạng của nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc

Thế giới hiện nay đang nhấn mạnh đến tính đa dạng trong văn hóa. Văn hóa của một cộng đồng người nhất định là sản phẩm của

chủ thể đó trong những môi trường tự nhiên, xã hội khác nhau tạo nên nét riêng biệt của các tộc người. Ngày 6/8/1982, tại Mexico, UNESCO đưa ra định nghĩa: “Văn hóa hôm nay có thể coi là tổng thể những nét riêng biệt tinh thần và vật chất, trí tuệ và cảm xúc quyết định tính cách của một xã hội hay của một nhóm người trong xã hội”[4]. Mặc dù vậy, các tộc người ở Việt Nam đều có chung một cơ tầng văn hóa, sống trong điều kiện tự nhiên, xã hội của Việt Nam nên có những điểm chung giữa các vùng văn hóa này.

Các tộc người ở Việt Nam đều có đặc trưng là ở trong nhà sàn. Tuy nhiên, mỗi tộc người lại có những nét đặc sắc riêng của mình. Người Ba Na nổi tiếng với nhà dài với mái cao vút giống như một lưới riu, có mái nhà dài lên tới 18m. Tộc người Ê đê lại nổi tiếng với nhà dài, dài như một tiếng chuông ngân, đánh chuông ở đầu nhà thì ở cuối nhà chỉ nghe thấy tiếng ngân của chuông. Ngôi nhà dài của người Ê đê là nơi sinh sống của

* Bài viết là sản phẩm của đề tài cấp Bộ “Nhận diện và giải quyết các mối quan hệ lớn trong phát triển văn hóa ở Việt Nam hiện nay”.

** Học viện Chính trị khu vực I.

gia đình mẫu hệ với trung bình khoảng 5-7 gia đình và cứ nối dài với sự mở rộng của gia đình mẫu hệ. Cũng là nhà sàn nhưng nhà sàn của các tộc người ở vùng Trường Sơn - Tây Nguyên có gắm thấp, chỉ cao khoảng 0,8 đến 1m và dưới gắm sàn thường là nơi để củi. Còn nhà sàn của cư dân ở Tây Bắc lại có gắm cao đến dưới 2m, người ta có thể đi lại được và sử dụng để đặt các công cụ sản xuất như cuốc, thuổng các loại dao, gùi.

Các tộc người ở Việt Nam đều là những cư dân trồng trọt nên đều sống ổn định tại một địa vực nhất định. Vực là tập hợp của các nhà, gia đình cùng sản xuất trên một vùng đất, với hai mối quan hệ chính là huyết thống và láng giềng. Tuy nhiên, mỗi tộc người lại có những cách gọi khác nhau như: bản Mường của tộc người Thái, Tày, Mường, Bon (Mnông), play (Ba na), buôn (Ê đê). Làng bản người Mông gọi là giao, người Khmer gọi là phum, sóc. Vì vậy những địa danh như Buôn Mê Thuột, Plâyku, Sóc Trăng đều là sự phát triển từ một địa vực sinh sống của các tộc người này. Trong các đơn vị sinh sống đó, đặc điểm chung của các tộc người ở Việt Nam là đều tổ chức cuộc sống cộng đồng theo hình thức tự quản với những mô hình tự quản bằng các luật lệ chung của cả cộng đồng như hương ước trong làng xã của người Việt; luật mường trong các bản, mường của người Thái; luật tục trong các bon, play, buôn của các tộc người ở Tây Nguyên.

Mỗi cộng đồng sinh sống của từng tộc người ở Việt Nam đều có đặc điểm chung là tôn thờ các vị thần linh, coi đó như là những vị thần hộ mệnh cho cả cộng đồng. Làng xã người Việt trước thế kỷ XV, vị thần quan trọng nhất là thổ thần sau đó là thành hoàng. Làng của người Tày đều có miếu thờ thổ thần - vị thần bảo vệ

và che chở cho cả cộng đồng. Người Thái có tục thờ phi bản, phi mường, thần bản, thần mường. Vị thần hộ mệnh cho cộng đồng của người Khmer là các thần NeakTa với biểu tượng là những viên đá nhẵn nhụi.

Đa số các tộc người ở Việt Nam đều trồng lúa nên các tộc người đều có tín ngưỡng thờ hồn lúa. Các lễ hội phong phú của đồng bào các tộc người Việt Nam đều là hệ thống lễ hội nông nghiệp để tạ ơn các vị thần tự nhiên và cầu mong các vị thần phù hộ để có vụ mùa bội thu. Người Tày có lễ hội Lồng tồng, đó là hoạt động tín ngưỡng cầu trời cho mưa thuận gió hòa, cây cối tốt tươi, mùa màng bội thu, đời sống ấm no; Người Thái có lễ hội Xên bản, Xên mường vào mùa hoa ban nở là hội cầu mùa, cầu phúc. Họ gửi gắm vào đó những ước vọng lớn lao về một cuộc sống bình yên, no ấm nơi bản Mường; Lễ hội mừng mùa măng mọc của tộc người Cống, Kháng vv... đây đều là những lễ hội cầu mùa. Hệ thống lễ hội của các tộc người ở Việt Nam rất phong phú, có những đặc sắc riêng. Tuy nhiên đều là những lễ hội cầu mùa, gửi gắm lòng biết ơn và những mong mỏi của con người vào các vị thần linh về cuộc sống và sản xuất.

Các tộc người ở Việt Nam có điểm chung là thờ cúng tổ tiên, điều này thể hiện niềm tin của các tộc người vào linh hồn của con người, sự gắn bó với cội nguồn, nhớ ơn công lao của ông bà, cha mẹ. Tuy nhiên, mỗi tộc người lại có cách thức thờ tổ tiên khác nhau. Trong văn hóa của người Kinh bàn thờ là chiếc bàn gỗ sơn son thiếp vàng với nhiều đồ bài trí bên trên như bát hương, bài vị, hương án, lư đỉnh vv... thì bàn thờ của người Dao là một ngôi nhà nhỏ có mái, được đặt trong nhà ở; Có tộc người không lập bàn thờ mà chỉ quy định nơi thờ trong nhà như người Mông (nơi thờ là

vách của ngôi nhà, có cắm lông gà và dải lụa đỏ, giấy bản đỏ); Người Chăm và người Ba Na không lập bàn thờ tổ tiên, không treo ảnh thờ, lập bài vị trong nhà nhưng họ vẫn tin ông bà, tổ tiên có thể phù hộ cho cuộc sống gia đình hoặc gây tai họa nếu bất kính; Có tộc người thờ tổ tiên ở trong nhà nhưng có tộc người thờ tổ tiên ở nghĩa địa, hoặc ở trên chùa, nơi thánh đường. Người Khmer quan niệm phải thông qua làn hương khói và những lời tụng niệm của các vị sư thì tình cảm, ước muốn và những đồ cúng của họ mới hồi hướng đến được với ông bà, tổ tiên nên họ thờ tổ tiên ở trong chùa, dựng tháp cốt trong chùa; Có tộc người chỉ thờ tổ tiên bên họ nội nhưng có tộc người lại thờ cả tổ tiên bên họ ngoại. Người Mường thì con trai trưởng thờ cúng tổ tiên 5 đời, còn con trai thứ ra ở riêng chỉ lập một bát hương để thờ cúng cha mình, mỗi đời thể hiện bằng một bát hương được xếp theo hàng ngang. Người phụ nữ Mường khi đã đi lấy chồng mà cha mẹ không có con trai thờ cúng, nhà chồng cho phép lập một bàn thờ để thờ cha mẹ đẻ. Thường thì bàn thờ này được đặt cạnh phòng khách và nhỏ hơn bàn thờ của nhà chồng. Người Thái ở Nghĩa Lộ (Yên Bái) thờ cúng cha mẹ vợ ở ngoài sân.

Nhìn chung, văn hóa của từng tộc người bên cạnh những nét chung lại có những biểu hiện rất đa dạng. Ở Việt Nam có nhiều biểu hiện văn hóa khác nhau như: văn hóa lúa nước của cư dân Việt; văn hóa thung lũng của tộc người Tày Thái, Mường; văn hóa nương rẫy của cư dân Môn-Khmer ở Tây Nguyên. Văn hóa Việt Nam rất đa dạng với 54 tộc người là 54 sắc màu văn hóa khác nhau. Văn hóa tộc người cũng không thuần nhất mà có sự phân hóa và khác biệt nhất định theo địa

phương mà bộ phận tộc người đó cư trú. Ở Việt Nam có khoảng 300 nhóm địa phương với những nét văn hóa khác biệt ở trang phục, ở nếp sống, tính cách như người Thái đen trọng tình nghĩa, nền văn học chữ viết khá phát triển, người Thái Trắng lại ưa sống sôi nổi, ưa các hoạt động văn hóa nghệ thuật v.v...

Các tộc người ở Việt Nam đều yêu thích văn nghệ và các sinh hoạt cộng đồng nhưng mỗi tộc người lại có đặc trưng riêng. Cùng là say đắm với các điệu múa nhưng tộc người Thái nổi tiếng với múa xòe, tộc người Mường đặc sắc với múa sạp, tộc người Mông có đặc trưng là múa khèn, múa ô. Múa đội lu, múa khăn là đặc trưng của người Chăm; múa Lâm Thôn, Rô-băm, Dù kê rất đặc sắc của người Khmer v.v... Cùng là các nhạc cụ truyền thống nhưng nếu như tộc người Tày có đàn tính thì các tộc người ở Tây Nguyên có đàn đá, đàn T'rưng. Còn tộc người Mông với khèn và kèn môi. Cùng say đắm với các bài hát dân ca thì người Tày Nùng có sli then, lượn; người Mường có hát đúm; người Dao có Páo dung; Cao Lan, Sán Chay có Xinh ca v.v...

Văn hóa Việt Nam đa dạng mà thống nhất. Dù là sản xuất ruộng nước hay nương rẫy thì phương thức sản xuất chính của các tộc người là trồng trọt kết hợp với chăn nuôi nhỏ, đều sống chung trong điều kiện tự nhiên, khí hậu nhiệt đới gió mùa (dù có những tiểu vùng khí hậu khác nhau). Đều thuộc về chủng tộc Môngôlôit, với 3 ngữ hệ chính là Nam Á, Nam Đảo và Hán Tạng với 8 nhóm ngôn ngữ. Vì thế có sự tương đồng về văn hóa.

2. Vấn đề đặt ra trong xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng

Trong phát triển văn hóa Việt Nam, chúng ta cần phải chú ý đến cả tính đa dạng

và tính thống nhất. Hiện nay, đang có nhiều nguy cơ dẫn tới sự nghèo đi tính đa dạng của nền văn hóa Việt Nam. Nếu văn hóa Việt Nam đang đứng trước nguy cơ bị “phương Tây hóa” thì văn hóa các tộc người thiểu số ở Việt Nam đang đứng trước nguy cơ bị mai một bản sắc văn hóa. Nhiều tộc người chỉ biết mình qua tên gọi còn trang phục, ngôn ngữ, phong tục tập quán lại mang bản sắc văn hóa của tộc người khác, nguy cơ bị xóa tên về khía cạnh văn hóa là khó tránh khỏi. Việc có thể bị nghèo đi tính đa dạng của nền văn hóa xuất phát từ nhiều lí do khác nhau.

Thứ nhất, do các tộc người ở Việt Nam sống xen kẽ, họ cùng chung sống trong một vùng lãnh thổ nên có sự giao lưu văn hóa dẫn tới đồng hóa văn hóa tự nhiên. Đặc điểm sống xen kẽ đã xuất hiện trong lịch sử và hiện nay càng gia tăng trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế. Khi tộc người thiểu số sống đan xen với tộc người đa số, tộc người có trình độ phát triển kinh tế - xã hội cao hơn. Sự giao lưu học hỏi tiếp xúc có thể dẫn đến tình trạng một số tộc người thiểu số dần tự đánh mất bản sắc văn hóa, tự phát thay đổi theo tộc người lớn hơn về ngôn ngữ, phong tục, tập quán, nhà cửa, trang phục, cách thức sinh hoạt.

Thứ hai, trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng các công trình, dự án chúng ta chưa quan tâm đúng mức đến việc bảo tồn văn hóa truyền thống của các tộc người thiểu số đang sinh sống. Ví dụ, xây nhà tái định cư không phù hợp với văn hóa truyền thống: như nhà sàn sử dụng mái tôn, cột bê tông với những cách bài trí không phù hợp với tập quán của đồng bào (như đồng bào Người Thái đặt bàn thờ tổ tiên ở góc trái của gian nhà nhưng khu tái định cư thiết kế nơi đặt

gian thờ ở gian giữa nhà giống như người Kinh), những ngôi nhà xây dựng liền kề trên một vạt đất được ủi bằng phẳng giống như ở miền xuôi làm thay đổi không gian bản làng thành những mảng kiến trúc đô thị v.v... Điều này đang làm nghèo đi tính đa dạng của nền văn hóa Việt Nam, mất dần bản sắc văn hóa của từng tộc người.

Thứ ba, Đảng và Nhà nước Việt Nam có những chính sách để bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa của các dân tộc nhưng quá trình thực hiện còn có những bất cập, chưa phát huy vai trò của chính đồng bào tộc người thiểu số trong hoạt động bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa của chính họ. Nhà Rông cũng chính là không gian sinh hoạt văn hóa cộng đồng của nhiều tộc người ở Tây Nguyên, để bảo tồn nhà rông, chúng ta có chương trình xây dựng nhà Rông văn hóa. Ví dụ như Tỉnh Kon Tum ban hành chỉ thị 21/1999/CT-UB ngày 25/11/1999 về duy trì và khôi phục nhà Rông truyền thống của vùng đồng bào tộc người thiểu số, toàn tỉnh đã xây dựng được 575 nhà Rông trên tổng số 588 làng đồng bào tộc người thiểu số [3, tr.289]. Nhà Rông mới được bê tông hóa, tôn hóa xây tường gạch, cột trụ bê tông, mái lợp tôn mô phỏng theo hình dáng của nhà Rông truyền thống, chỉ có chức năng sinh hoạt văn hóa cộng đồng, sinh hoạt tập thể mang tính chính trị của dân làng mà không gắn bó với các sinh hoạt tín ngưỡng. Bởi nhà Rông văn hóa không xây dựng theo quy trình nghiêm ngặt từ chọn đất, chọn hướng (không chọn hướng bắc nam theo phong tục của đồng bào), chọn vật liệu, tổ chức cúng thần linh trong quá trình dựng nhà, không có sân bãi cho việc tổ chức các sinh hoạt cộng đồng, không phải do cộng đồng

làng tạo nên, không in dấu ký ức lịch sử văn hóa của đồng bào nên tính thiêng không rõ nét. Vì vậy, nhiều nhà Rông xây xong bị bỏ hoang, hư hỏng do người dân không đến. Do đó bản sắc văn hóa của các tộc người không được bảo tồn và phát huy.

Kết luận

Trong sự phát triển văn hóa Việt Nam hiện nay đang đặt ra vấn đề mai một bản sắc văn hóa của các tộc người thiểu số, nghèo đi tính đa dạng của nền văn hóa Việt Nam. Cùng với đó, xuất hiện cả xu hướng nhấn mạnh đến bản sắc riêng của từng tộc người mà không thấy được tính thống nhất, gắn bó trong một nền văn hóa chung, gây bất lợi cho quá trình gắn bó tộc người với cộng đồng quốc gia, ảnh hưởng xấu đến ý thức quốc gia dân tộc, trước hết về văn hóa.

Vì vậy, trước tiên Đảng và Nhà nước cần quán triệt quan điểm có tính nguyên tắc đã được khẳng định: “Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các tộc người, tạo mọi điều kiện để các tộc người

phát triển đi lên con đường văn minh, tiến bộ, gắn bó mật thiết với sự phát triển chung của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Tôn trọng lợi ích, truyền thống, văn hóa, ngôn ngữ, tập quán, tín ngưỡng của các dân tộc” [1, tr.16].

Hai là, trong đường lối, chính sách, dự án, chương trình phát triển kinh tế - xã hội phải chú ý và tôn trọng bản sắc văn hóa riêng của các tộc người. Đồng thời, trong các chính sách bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống, Nhà nước chỉ đóng vai trò hỗ trợ, định hướng đặc biệt về cơ chế, nguồn lực vật chất còn chính đồng bào dân tộc thiểu số là chủ thể trong hoạt động này.

Tóm lại trong phát triển văn hóa Việt Nam, chúng ta phải tôn trọng tính đa dạng nhưng vẫn phải đảm bảo tính thống nhất. Đó là yêu cầu kép, vừa đáp ứng yêu cầu khách quan của sự phát triển văn hóa, vừa xây dựng tinh thần tộc người, ý thức về quốc gia, tổ quốc trong từng người dân. ■

Tài liệu tham khảo:

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Cương lĩnh Xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ đi lên Chủ nghĩa xã hội*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

[2] Phan Đăng Nhật (2009), *Văn hóa các tộc người thiểu số - Những giá trị đặc sắc*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

[3] Viện nghiên cứu phát triển phương Đông (2016), *Giá trị văn hóa truyền thống Tây Nguyên với phát triển bền vững*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[4] <http://portal.unesco.org>